TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2026/DS-PT
Ngày 05 - 02 - 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lực
Các Thẩm phán: Ông Lâm Triệu Hữu
Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Định - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 783/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 822/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1968; cư trú ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đào Thị Á, sinh năm 1963; cư trú ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Đào Thị Á: Ông Cao Văn T1, sinh năm 1957; cư trú số F, đường P, khóm H, phường P, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2026, có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Minh S, sinh năm 1991; cư trú ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bà Đào Ngọc P, sinh năm 1960; cư trú ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Bà Đào Ngọc L, sinh năm 1962; cư trú ấp P, phường P, tỉnh Vĩnh Long

(vắng mặt).

4. Ông Đào Công T2, sinh năm 1956; cư trú ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

5. Bà Đào Thị T3, sinh năm 1954; cư trú ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

6. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1981; cư trú ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

7. Ông Mai Hoàng L1, sinh năm 1982; cư trú số 246 ấp E, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

8. Bà Phạm Ngọc H1, sinh năm 1988; cư trú số 246 ấp E, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

9. Bà Dương Thị Á1, sinh năm 1994; cư trú ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Đào Thị Á là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày:*

Vào năm 2023, ông có nhận chuyển nhượng của ông Ngô Minh S thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích 2311,8m², tọa lạc tại xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long). Hợp đồng chuyển nhượng được ký kết tại Văn phòng C ngày 31/01/2024, ngày 31/10/2024 ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mua đất ông tiến hành làm hàng rào thì bà Đào Thị Á ngăn cản. Bà Á cho rằng vào năm 1995 bà đã mua của bà Nguyễn Thị Hồng T4 đất nêu trên.

Nguồn gốc thửa đất số 412 nêu trên trước đây là của bà Nguyễn Thị H2, vào năm 2019 bà H2 chuyển nhượng cho ông Ngô Minh S, ông S quản lý, sử dụng đến năm 2023 thì chuyển nhượng lại cho ông. Trước khi ông nhận chuyển nhượng đất thì Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre xác nhận thửa đất không có tranh chấp nên ông mới mua. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Thị Á trả cho ông thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích 2311,8m², tọa lạc tại xã H, tỉnh Vĩnh Long.

** Bị đơn bà Đào thị Á trình bày và có yêu cầu phản tố như sau:*

Phần đất ông T tranh chấp có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị H2 (đã chết). Năm 1996 bà mua đất của bà H2 với giá 05 cây 02 chỉ 05 phân vàng 24kr, khi mua bán có làm giấy tay nhưng hiện nay đã bị thất lạc, bà đã giao đủ vàng cho bà H2 và đã nhận đất canh tác từ đó cho đến nay. Năm 2007 bà có yêu cầu gia đình bà H2 làm biên bản họp mặt gia đình là đã bán đất cho bà, thời điểm lúc đó thì hộ gia đình bà H2 đồng ý và ký tên gồm: bà H2, chị Đào Thị T3, anh Đào Công T2. Thời điểm bà mua thì đất đã lên bờ trồng mía, khoản năm 1997 bà chuyển sang trồng dừa. Việc bà H2 chuyển nhượng đất cho ông Mai Hoàng L1, ông L1 chuyển

nhượng cho ông Ngô Minh S và ông S chuyển nhượng qua ông Phan Văn T bà hoàn toàn không. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn T với ông Ngô Minh S liên quan đến thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 42, tờ bản đồ số 5), tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Minh S với ông Mai Hoàng L1 liên quan đến thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 42, tờ bản đồ số 5), tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Hủy hợp đồng giữa bà Nguyễn Thị H2, bà Đào Thị T3, bà Lê Ngọc H với ông Mai Hoàng L1 liên quan đến thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 42, tờ bản đồ số 5), tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà Nguyễn Thị H2 liên quan đến thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19 (thửa cũ là thửa 42, tờ bản đồ số 5), tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiến nghị điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phan Văn T để cấp lại cho bà theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Ngọc P trình bày:*

Bà là con của bà Nguyễn Thị H2, bà không biết gì về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H2 cùng các thành viên trong gia đình với bà Đào Thị Ánh . Mặt dù bà không biết nhưng bà vẫn đồng ý cho bà H2 bán đất cho Á. Khi mẹ bà còn sống không có bán đất cho ông Ngô Hoàng L2 mà chỉ cầm cố. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T3 trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H2 là mẹ của bà. Khoảng năm 1995 - 1996, mẹ bà cùng các thành viên trong gia đình có bán đất cho bà Đào Thị Á, bà đồng ý nên có ký tên trong hợp đồng, mẹ bà đã nhận đủ tiền từ bà Á và đã giao đất cho bà Á canh tác.

Nay mẹ bà đã chết, bà đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà Á. Trong trường hợp bà Á không được Tòa án công nhận quyền sử dụng đất thì do lỗi bà Á không đi làm giấy tờ, bà không có nhận tiền nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh ông Đào Công T2 trình bày:*

Ông là con của bà Nguyễn Thị H2, ông xác nhận khi bà H2 còn sống đã có bán đất cho bà Á, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị Á1 trình bày:*

Chị là con ruột của bà Đào Thị Á, hiện bà Á đang trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất tranh chấp, chị không có sử dụng đất nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhân yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

Buộc bà Đào Thị Á trả cho ông Phan Văn T thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích 2481m^2, tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long (có tuyên tứ cận thửa đất kèm theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Á về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà Nguyễn Thị H2 liên quan đến thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích đo đạc thực tế 2481m^2, tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Á về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Thị H2 và ông Mai Hoàng L1, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Mai Hoàng L1 bà Phạm Ngọc H1 và ông Ngô Minh S, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Minh S và ông Phan Văn T, các hợp đồng liên quan đến thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19 tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2025 bị đơn Đào Thị Á kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phan Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đào Thị Ánh G nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Qua phân tích các tình tiết của vụ án Kiểm sát viên cho rằng án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của của bà Đào Thị Á, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Phan Văn T khởi kiện bà Đào Thị Á yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Á trả lại thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích 2311,8m², tọa lạc tại xã H, tỉnh Vĩnh Long, vì ông cho rằng thửa đất này ông đã nhận chuyển nhượng hợp pháp từ ông Ngô Minh S. Bà Á không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T vì cho rằng thửa đất nêu trên bà đã mua của bà Nguyễn Thị H2 (đã chết), nên yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T với ông S, hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa ông S với ông L1, hủy

hợp đồng chuyển nhượng giữa ông L1 với bà H2 và các con, công nhận hợp đồng giữa bà H2 đối với đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích 2311,8m², tọa lạc tại xã H, tỉnh Vĩnh Long. Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng bản chất vụ án. Đơn kháng cáo của bà Á còn trong hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H2 ngày 04/01/2000 gồm các thửa đất số 37, 38, 39, 42 tờ bản đồ số 5, với tổng diện tích 7950m^2. Ngày 10/5/2017 bà H2 cùng các con là Đào Thị T3, Lê Thị Ngọc H chuyển nhượng các thửa đất trên cho ông Mai Hoàng L1, hợp đồng có công chứng tại Văn phòng C1 Theo văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa bên chuyển nhượng là bà H2 và bên nhận chuyển nhượng ông Mai Hoàng L1 có nội dung: theo trích lục bản đồ địa chính ngày 24/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M thì các thửa đất 37, 38, 39 tờ bản đồ số 5 đổi thành thửa 100, tờ bản đồ số 19, diện tích 3674,8m^2 và thửa 42, tờ bản đồ số 5 đổi thành thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích 2311,8m^2, ngày 06/9/2018 ông Mai Hoàng L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 06/3/2019 ông Mai Hoàng L1 và bà Phạm Ngọc H1 chuyển nhượng các thửa đất trong đó có thửa đất 412 cho ông Ngô Minh S, ngày 20/3/ 2019 ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 31/01/2023 ông Ngô Minh S chuyển nhượng các thửa đất trong đó có thửa 412 cho ông Phan Văn T, hợp đồng có công chứng tại Văn phòng C, ngày 08/5/2023 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông T tiến hành xây dựng hàng rào và canh tác đất thì bà Đào Thị Á ngăn cản, bà Á cho rằng thửa đất 412 bà đã nhận chuyển nhượng hợp pháp của bà Nguyễn Thị H2 nên bà không đồng ý việc ông T vào sử dụng đất.

[3] Xét thấy, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Thị H2 với ông Mai Hoàng L1, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Mai Hoàng L1, bà Phạm Ngọc H1 với ông Ngô Minh S, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Minh S với ông Phan Văn T đối với thửa đất 412, tờ bản đồ số 19, diện tích thực đo 2481m^2, tọa lạc tại xã H, tỉnh Vĩnh Long đều được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực và đăng ký biến động theo quy định pháp luật, người nhận chuyển nhượng đều được cấp quyền sử dụng đất, thời gian giao dịch diễn ra từ năm 2017; đồng thời thửa đất số 412 cũng đã được ông Ngô Minh S thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nhiều lần nhưng không có tranh chấp hay khiếu nại gì. Ông T nhận chuyển nhượng đất từ ông S có thực hiện việc giao nhận đất, giao nhận tiền, đảm bảo về mặt hình thức, ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 412. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trên xử chấp nhân yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà Đào Thị Á giao trả đất cho ông T là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bà Đào Thị Á: Bà Á trình bày thửa đất số 412 nêu trên bà đã nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị H2 vào năm 1996, giá chuyển nhượng thửa đất là 05 cây, 02 chỉ, 05 phân vàng 24kr. Việc mua bán có

viết giấy tay nhưng đã bị mất, bà đã giao đủ vàng cho bà H2 nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, trường hợp có căn cứ chứng minh có việc bà Á mua đất của bà H2 thì hợp đồng cũng không phát sinh giá trị pháp lý. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Á, đồng thời dành cho bà Á vụ kiện khác về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với cây trồng đất có tổng giá trị 92.884.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Á khẳng định cây trồng trên đất là của bà tạo lập, do bà không đồng ý trả đất nên không có yêu cầu bồi thường. Từ ý kiến này của bà Á, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, dành cho bà Á vụ kiện dân sự khác là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Á, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các 166, 500, 501 của Bộ luật Dân sự; các điều 167, 188 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Đào Thị Á, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2025/DS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Chấp nhân yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn T.

Buộc bà Đào Thị Á trả cho ông Phan Văn T thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích thực đo 2481m^2, tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long). Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 81, có số đo 69,82m;
- Hướng Tây giáp thửa 63, thửa 85, có số đo 10,78m+55,39m+4,51m;
- Hướng Nam giáp thửa 630, có số đo 33,92m;
- Hướng Bắc giáp thửa 64, có số đo 35,23m.

(Kèm theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 08/4/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Á về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà Nguyễn Thị Hồng Đ thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, diện tích 2481m^2, tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Á về việc yêu cầu hủy hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà Nguyễn Thị H2 với ông Mai Hoàng L1, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Mai Hoàng L1, bà Phạm Ngọc H1 với ông Ngô Minh S, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Minh S với ông Phan Văn T, các hợp đồng trên liên quan đến thửa đất số 412, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đào Thị Á được miễn nộp.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Lực